TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 98/2018/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 7 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018. Về việc tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX - ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Đồng Xuân H - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Tr, tỉnh N.

2. Chị Hoàng Thị Đ- Sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Tr, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H là chị Hoàng Thị Đ sinh năm 1991; Địa chỉ: xóm 2 xã Tr, huyện Tr, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị L, anh H và chị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/12/2017 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Đồng Xuân H vào tháng 01/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2016, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh H nghe bố mẹ thường xuyên chửi bới chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Từ tháng 8/2017 đến nay chị và anh H sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị xin được ly hôn anh Đồng Xuân H. Về con chung giữa chị và anh Đồng Xuân H có một con chung là Đồng Thị Yến Nh sinh ngày 09/10/2016, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu Nh trưởng thành tự lập được. Về tài sản: Giữa chị và anh Đồng Xuân H có mảnh đất diện tích 83,1m2, thửa số 201, tờ bản đồ số 17.3 tại xóm 2, xã N, thành phố N, tỉnh N Nguồn gốc mảnh đất này là do vợ chồng chị tiết kiệm và vay mượn mua vào tháng 4/2017, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh Đồng Xuân H. Khi làm đường đã lấn vào thửa đất của vợ chồng chị nên hiện tại qua thẩm định thửa đất diện tích còn 78,4m2; đất có cạnh bắc giáp đất bà Th dài 19,35m; cạnh nam giáp đất ông M dài 18,75m; cạnh đông giáp đất bà L dài 4,02m; cạnh tây giáp đường dài 4,13m. Trong quá trình giải quyết chị xác định đất mới mua giá không biến động nên chị xác định giá trị mảnh đất lấy giá đã mua là 240.000.000 đồng và chị đề nghị lấy diện tích đất thực tế để giải quyết. Khi mua đất thì chị và anh H có vay của vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Hoàng Thị Đ số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng, không tính lãi. Quá trình từ đó đến nay chị và anh H đã trả được 50.000.000 đồng, nay còn nợ vợ chồng anh H, chị Đ là 70.000.000 đồng. Chị xác định nguồn gốc tài sản do vợ chồng chị làm nên công sức đóng góp ngang nhau nên chị đề nghị chia đôi tài sản và công nợ. Hiện tại chị đang dậy học tại xã N thành phố N nên chị xin được nhận sử dụng mảnh đất trên và trả nợ cho vợ chồng anh H, chị Đ đồng thời thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đồng Xuân H. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là anh Đồng Xuân H có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Hoàng Thị L về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị L. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân là do anh và chị L bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình và chị L thiếu tôn trọng anh và gia đình anh dẫn đến mâu thuẫn thêm trầm trọng. Từ tháng 11/2017 đến nay anh và chị L sống ly thân

nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, chị L xin ly hôn anh thì anh nhất trí. Về con chung giữa anh và chị Hoàng Thị L có một con chung là Đồng Thị Yến Nh sinh ngày 09/10/2016, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nay anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị L được quyền nuôi con thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.00 đồng kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu Nh trưởng thành. Về tài sản chung giữa anh và chị Hoàng Thị L có mảnh đất diện tích 83,1 m2, tại thửa số 201, tờ bản đồ số 17.3 tại xóm 2, xã N, thành phố N, tỉnh N Quá trình làm đường đã lấn vào thửa đất nên khi thẩm định diện tích đất thực tế chỉ còn 78,4m2 số đo các cạnh và tiếp giáp các hộ liền kề như chị L khai là đúng, nay anh đề nghị lấy diện tích đất thực tế để giải quyết. Anh xác định thửa đất vợ chồng anh mới mua giá 240.000.000 đồng nên anh nhất trí với đề nghị của chị L giữ nguyên giá thửa đất khi mua là 240.000.000 đồng để giải quyết. Khi mua đất thì anh và chị L có vay của vợ chồng anh Hương, chị Đ số tiền 120.000. 000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng, không tính lãi và vợ chồng anh đã trả được 50.000.000 đồng, nay còn nợ lại 70.000.000 đồng. Nay anh đề nghị được sử dụng mảnh đất này và trả nợ cho anh Hương, chị Đ đồng thời thanh toán chênh lệch tài sản cho chị L theo quy định của pháp luật. Về án phí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan là chị Hoàng Thị Đ và là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H trình bày: Vào tháng 4/2017, khi vợ chồng chị L mua đất thì vợ chồng chị L có hỏi vay tiền của vợ chồng chị và vợ chồng chị đã cho chị L, anh H vay 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng, không tính lãi. Sau đó anh H, chị L đã trả cho vợ chồng chị được 50.000.000 đồng, hiện nay anh H, chị L còn nợ vợ chồng chị 70.000.000 đồng. Nay chị L và anh H ly hôn nhau thì vợ chồng chị yêu cầu anh H, chị L phải có trách Nhệm trả cho vợ chồng chị số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng và vợ chồng chị không yêu cầu tính tiền lãi. Vợ chồng chị yêu cầu Tòa án giải quyết để chị L trực tiếp trả nợ cho vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa H tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33; 37; 55; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H. Về con chung: đề nghị giao cháu Đồng Thị Yến Nh sinh ngày 09/10/2016 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu Nh trưởng thành. Về tài sản: đề nghị giao

cho chị L sử dụng mảnh đất diện tích 78,4 m2 tại thửa số 201, tờ bản đồ số 17.3 tại xóm 2, xã N, thành phố N, tỉnh N và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H và trả cho vợ chồng anh H, chị Đ 70.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H đều cư trú tại xã N huyện N. Nay chị Hoàng Thị L có đơn xin ly hôn anh Đồng Xuân H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2015, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là một hôn nhân tự do và hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên không hợp tính nhau và do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H không được cải thiện. Từ tháng 11/2017 đến nay chị L và anh H sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin được ly hôn anh H và phía anh H cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H có một con chung là Đồng Thị Yến Nh sinh ngày 09/10/2016, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Nh. Phía anh H đề nghị nếu chị L được quyền nuôi con thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2018. Thấy chị L và anh H đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Nh, nhưng cháu Nh hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, do vậy giao cháu Nh cho chị L trực tiếp nuôi nuôi dưỡng và buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, theo mức mà chị L và anh H đề xuất mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H có một thửa đất diện tích 83,1 m2 tại thửa số 201, tờ bản đồ số 17.3 tại xóm 2, xã N, thành phố N, tỉnh N và số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng. Về giá trị mảnh đất chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H thống nhất xác định thửa đất có giá trị là 240.000.000 đồng. Xét thấy

thửa đất của vợ chồng chị L và anh H hiện tại diện tích chỉ còn 78,4m2 diện tích thiếu so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4,7m2 là do khi làm đường lấn vào; các hộ liền kề không có tranh chấp và chị L, anh H đều đề nghị lấy diện tích đất thực tế để giải quyết nên chấp nhận là phù hợp. Xét thấy nguồn gốc tài sản là do vợ chồng anh H, chị L lao động tạo lập nên và công sức đóng góp tương đương nhau nên chia đôi tài sản và công nợ cho hai bên là phù hợp. Xét yêu cầu của chị Hoàng Thị Lvà anh Đồng Xuân Hđều có nguyện vọng được nhận sử dụng thửa đất trên và trả nợ, thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau. NH diện tích đất ở hẹp không thể chia cho hai bên sử dụng được và hiện chị L đang dậy học tại xã Nam Vân và nuôi con nhỏ nên giao cho chị L được sử dụng thửa đất trên và trả nợ cho anh Hương, chị Đ đồng thời thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H là phù hợp.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Lphải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đồng Xuân Hphải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí giá ngạch tài sản: Do tài sản được chia đôi nên chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H mỗi người phải nộp án phí đối với giá trị phần tài sản được chia là (240.000.000 đồng x 5%) : 2 = 6.000.000 đồng.

Về án phí về nghĩa vụ tài sản: Đối số tiền vay còn nợ của vợ chồng anh H, chị Đ 70.000.000 đồng được chia đều cho chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H nên anh H, chị L mỗi người phải phải nộp án phí là (70.000.000 đồng x 5%) : 2 = 1.750.000 đồng.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 59; 60; 62; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 17; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H.

2- Về con chung: Giao cháu Đồng Thị Yến Nh sinh ngày 09/10/2016 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng (chị Hoàng Thị L đang quản lý nuôi dưỡng cháu Đồng Thị Yến Nh). Buộc anh Đồng Xuân H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu Đồng Thị Yến Nh trưởng thành tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản:

+ Giao cho chị Hoàng Thị L được sử dụng 78,4 m2 đất ở, tại thửa số 201, tờ bản đồ số 17.3 tại xóm 2, xã N, thành phố N, tỉnh N; đất có cạnh bắc giáp đất bà Th dài 19,35m; cạnh nam giáp đất ông M dài 18,75m; cạnh đông giáp đất bà L dài 4,02m; cạnh tây giáp đường dài 4,13m. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đồng Xuân H và chị Hoàng Thị L. Nhưng chị Hoàng Thị L có trách Nhệm trả cho anh Phạm Văn H và chị Hoàng Thị Đ số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đồng Xuân H là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

+ Anh Đồng Xuân H được nhận ở chị Hoàng Thị L khoản tiền thanh toán chênh lệch tài sản là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Chị Hoàng Thị L có trách Nhệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì người chậm thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đồng Xuân H phải nộp 300.000 đồng.

+ Án phí ngạch tài sản: Chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H mỗi người phải nộp 6.000.000 đồng.

+ Án phí nghĩa vụ tài sản: Chị Hoàng Thị L và anh Đồng Xuân H mỗi người phải nộp 1.750.000 đồng.

Tổng số tiền án phí chị Hoàng Thị L phải nộp là 8.050.000 đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB 2012/06283 ngày 11/4/2018 và số tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản chị Hoàng Thị L đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai số: BB 2012/06284 ngày 11/4/2018 tại Chi cục thi hạnh án huyện N. Chị Hoàng Thị L còn phải nộp số tiền án phí là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí anh Đồng Xuân H phải nộp là 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, anh H và chị Đ. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ni;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**